TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2022/QĐST-HNGĐ	*Quan Hóa, ngày 13 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 366; Điều 371 và Điều 372, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 35, Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Phạm Bá K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Bản Tân Hương, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Hà Thị D, sinh năm 1974 (Tên gọi khác: Hà Thị C)

Địa chỉ: Bản Tân Hương, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Bá K và chị Hà Thị D tự do tìm hiểu yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/9/2010 tại UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không có hạnh phúc. Khi mẫu thuẫn xảy ra, đã được hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, mà ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, xét thấy cuộc sống vợ, chồng thực sự không còn hạnh phúc, anh Phạm Bá K và chị Hà Thị D đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phám Bá K và chị Hà Thị D có với nhau 01 con chung, tên cháu là Phạm Bá K1, sinh ngày 09/8/2010, hiện cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực và cháu đang sống với mẹ. Quá trình giải quyết, cháu Phạm Bá K1 có bản nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Nay ly hôn, anh, chị tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Phạm Bá Khôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Bá K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở. Anh Phạm Bá K sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cháu Phạm Bá K1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng);

[3] Về lệ phí việc dân sự: Anh Phạm Bá K tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu gì. Nên không xét.

Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chng của anh Phạm Bá K và chị Hà Thị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Bá K, sinh năm 1989 và chị Hà Thị D, sinh năm 1974. Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Bá K và chị Hà Thị D chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu là Phạm Bá K1, sinh ngày 09/8/2010 cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Bá K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăm cấm, cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Bá K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Bá K1 mỗi tháng: 1.000.000đ (Một triệu đồng); Hình thức cấp dưỡng: Hằng tháng; Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu Phạm Bá Khôi đủ 18 tuổi.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Phạm Bá K và chị Hà Thị D có quyền làm đơn đề nghị thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2010 ngày 13/9/2010 của UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Bá K tự nguyện nộp lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chấp nhận anh đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc HN&GĐ sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012734 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa (02 bản);
- Phòng 9 - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Thành Sơn, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- Người yêu cầu Phạm Bá K;
- Người yêu cầu Hà Thị D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].